BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THOẠI VI

ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA ĐẬU NÀNH VINASOY QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Công Phương

Phản biện 1: TS.ĐƯỜNG NGUYỄN HƯNG.....

Phản biện 2: TS HÀ THỊ NGỌC HÀ.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 12 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp có thể xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng trước hết phải nhìn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. để xác định và đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thì các bộ phận cấu thành nên nó phải được hạch toán một cách cụ thể và chính xác.

Đo lường doanh thu và chi phí tại Công ty chưa tuân thủ đầy đủ qui định của chuẩn mực, chế độ kế toán. Một số nội dung chi phí được xác định chưa phù hợp với doanh thu, chưa phản ánh đầy đủ và hợp lý các chi phí cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Với những tồn tại như vậy làm cho lợi nhuận được xác định trong một kỳ không phản ánh hợp lý lợi nhuận kinh tế mà Công ty tạo ra. Xuất phát từ thực tế này, việc nghiên cứu đề tài ***"Đo lường lợi nhuận tại Công ty Sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi"*** thật sự có ý nghĩa, giúp cho việc đo lường lợi nhuận hợp lý, đảm bảo trong việc cung cấp thông tin trung thực cho các đối tượng có liên quan.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Đề tài nhằm 2 mục tiêu chính sau:

- Nhận diện những bất cập về đo lường lợi nhuận tại công ty;
- Hoàn thiện nội dung, phượng pháp đo lường lợi nhuận tại Công ty dựa vào các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán có liên quan.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Đối tượng nghiên cứu*: Đối tượng nghiên cứu của luận văn là đo lường lợi nhuận kế toán trong doanh nghiệp.
- *Phạm vi nghiên cứu*: Luận văn nghiên cứu đo lường lợi nhuận kế toán tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi. Nguồn dữ liệu và thông tin sử dụng trong luận văn được thu thập trực tiếp từ Công ty. Số liệu minh họa là số liệu năm 2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp mô tả, giải thích và suy luận logic để nghiên cứu đo lường lợi nhuận kế toán của doanh nghiệp.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ giúp cho Công ty hoàn thiện quy trình, nguyên tắc đo lường doanh thu và chi phí để xác định lợi nhuận ở Công ty phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Từ đó, cung cấp thông tin hữu ích, đáng tin cậy về lợi nhuận của hoạt động SXKD cho những đối tượng quan tâm. Kết quả nghiên cứu này cũng có thể nhân rộng để áp dụng cho các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu và tổng quan về tài liệu nghiên cứu thì luận văn có kết cấu gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết về đo lường lợi nhuận kế toán trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng đo lường lợi nhuận tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi.

Chương 3: Hoàn thiện đo lường lợi nhuận kế toán tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. KHÁI NIỆM VÀ MỤC TIÊU ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN

1.1.1 Khái niệm lợi nhuận

Lợi nhuận trong kinh tế học, là phần tài sản mà nhà đầu tư nhận thêm nhờ đầu tư sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan đến đầu tư đó. Bao gồm cả chi phí cơ hội; là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí. Lợi nhuận trong kế toán là phần chênh lệch giữa giá bán và CPSX.

1.1.2 Nguyên tắc đo lường và ghi nhận doanh thu, chi phí để xác định lợi nhuận.

❖ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

❖ **Nguyên tắc đo lường và ghi nhận chi phí**

- Nguyên tắc phù hợp: "Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó".

- Nguyên tắc thận trọng: "Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, có những phán đoán cần thiết để lập các ước tính trong các điều kiện không chắc chắn".

1.2. ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Đo lường và ghi nhận doanh thu

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá trị doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định tuân theo nguyên tắc giá gốc

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện theo VAS14- Doanh thu và thu nhập khác.

❖ Doanh thu tài chính

Theo VAS 14, doanh thu hoạt động tài chính gồm tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua giấy tờ có giá, lãi tỷ giá hối đoái.

❖ Doanh thu và thu nhập khác

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực kế toán VAS14 – Doanh thu và thu nhập khác gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại.

1.2.2 Đo lường chi phí

a. Đo lường và ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán liên quan trực tiếp đến doanh thu. Do đó cần xác định và ghi nhận giá vốn khi có doanh thu. Hay nói cách khác, giá vốn được xác định phù hợp với doanh thu ghi nhận (nguyên tắc phù hợp).

b. Đo lường và ghi nhận chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng liên quan đến hàng bán ra. Một số khoản chi phí bán hàng liên quan trực tiếp đến hàng bán ra cần xác định dựa

vào nguyên tắc phù hợp, và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ để xác định lợi nhuận. Một số chi phí có liên quan đến hàng bán ra trong kỳ nhưng không đo lường đáng tin cậy mức lợi nhuận do các chi phí này mang lại nên được ghi nhận vào kỳ phát sinh chi phí (dựa vào nguyên tắc thận trọng)

c. Đo lường và ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí liên quan đến việc quản lý chung của doanh nghiệp.

Chi phi QLDN phát sinh trong kỳ được tính hết vào chi phí để xác định kết quả tuân theo nguyên tắc phù hợp hoặc nguyên tắc thận trọng.

d. Đo lường và ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận dựa trên nguyên tắc phù hợp. Bao gồm: chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

e. Đo lường và ghi nhận chi phí khác

Theo nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc thận trọng thì các khoản chi phí này đều được ghi nhận là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định lợi nhuận trong kỳ.

1.3 VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TRONG ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN

- Lựa chọn chính sách kế toán đối với hàng tồn kho.

+ Xác định giá trị hàng tồn kho.

+ Chính sách kế toán liên quan đến xác định giá trị sản phẩm dở dang.

+ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Lựa chọn chính sách kế toán liên quan đến nợ phải thu.

- Lựa chọn chính sách kế toán liên quan đến tài sản cố định.

+ Lựa chọn phương pháp khấu hao TSCĐ.

+ Chính sách kế toán liên quan đến chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Lựa chọn chính sách liên quan đến đầu tư tài chính.
- Lựa chọn chính sách kế toán liên quan đến doanh thu và chi phí.

+ Doanh thu hoạt động tài chính:

+ Chi phí trả trước, chi phí phải trả, dự phòng phải trả

1.4 NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG ĐIỀU CHỈNH LỢI NHUẬN

Cơ sở dồn tích cho phép nhà quản trị điều chỉnh lợi nhuận thông qua hành vi ghi nhận doanh thu và chi phí, trong khi đó đối với cơ sở kế toán tiền, nhà quản trị không thể điều chỉnh các giao dịch. Từ đó chênh lệch giữa lợi nhuận và dòng tiền tạo ra những biến kế toán mà các nhà ngiên cứu thường gọi là accruals.

Biến kế toán dồn tích = Lợi nhuận sau thuế - Dòng tiền hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế = Biến kế toán dồn tích + Dòng tiền hoạt động kinh doanh

Do dòng tiền từ hoạt động kinh doanh không thể điều chỉnh, để điều chỉnh lợi nhuận các nhà quản trị phải nhận diện được các biến kế toán và điều chỉnh các biến này. Tuy nhiên không phải toàn bộ Accruals đều có thể đến từ hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị. Tổng accruals bao gồm 2 phần: một phần gọi là Accruals không thể điều chỉnh (nondiscretionary accruals), phần còn lại gọi là accruals được điều chỉnh từ hành động điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị (discretionary accruals).

Biến kế toán dồn tích = Biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh + Biến kế toán dồn tích có điều chỉnh

Theo DeAngelo, cho rằng sự biến đổi về mức độ accruals giữa hai kỳ chính là lợi nhuận được điều chỉnh (discretionary accruals). Như vậy,

phần discretionary accruals là chênh lệch giữa total accruals giữa năm t và năm t-1:

Biến kế toán dồn tích có điều chỉnh = Biến kế toán dồn tích (t) + Biến kế toán dồn tích (t-1)

Từ đó, phần biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh (nondiscretionary accruals) là biến kế toán dồn tích (total accruals) của năm trước

Biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh (t) = Biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh (t-1)

Ước tính nondiscretionary accruals trong mô hình của DeAngelo thật sự chính xác nếu nondiscretionary accruals không thay đổi theo thời gian và trung bình Discretionary accruals bằng 0 ở kỳ ước tính. Tuy nhiên, nondiscretionary accruals thường phụ thuộc vào mức độ hoạt động kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp đang ở pha tăng trưởng thì phần nondiscretionary accruals sẽ biến động từ năm này sang năm khác. Để khắc phục nhược điểm này Friedlan đã cải tiến mô hình bằng cách kiểm soát phần nondiscretionary accruals thay đổi do thay đổi mức độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng cách chia nondiscretionary accruals tính được theo mô hình của DeAngelo cho doanh thu.

$$\text{Biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh} = \frac{\text{Biến kế toán dồn tích (t)}}{\text{Doanh thu (t)}} - \frac{\text{Biến kế toán dồn tích (t-1)}}{\text{Doanh thu (t-1)}}$$

Tùy thuộc vào kết quả tính toán (<0, >0, 0) mà có thể đưa ra kết luận có hay không việc điều chỉnh lợi nhuận của các nhà quản trị và điều chỉnh này là tăng hay giảm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1, trình bày hệ thống hóa những nội dung cơ bản về đo lường lợi nhuận trong các doanh nghiệp nói chung và lĩnh vực sản xuất nói riêng. Chương 1 đã trình bày khái niệm, các nguyên tắc liên quan đến đo lường lợi nhuận thông qua việc đo lường doanh thu và chi phí, cụ thể: doanh thu được xác định theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí được xác định theo nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc thận trọng. Bên cạnh đó, chương này cũng đã trình bày các phương pháp kế toán khác nhau được áp dụng thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến thông tin cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau. Vì vậy, để thông tin cung cấp ra bên ngoài phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp, kế toán cần phải xác định phương pháp nào phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhất để lựa chọn phương pháp kế toán và cung cấp thông tin một cách chính xác nhất. Đây là cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực trạng và tìm ra những giải pháp hoàn thiện công tác đo lường lợi nhuận tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY SỮA ĐẬU NÀNH VINASOY QUẢNG NGÃI

2.1 ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

2.1.1 Giới thiệu về công ty

Công ty Sữa Đậu Nành VinaSoy Quảng Ngãi là hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng sữa đậu nành cho thị trường Việt Nam. Công ty có tư cách pháp nhân. Công ty có vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty

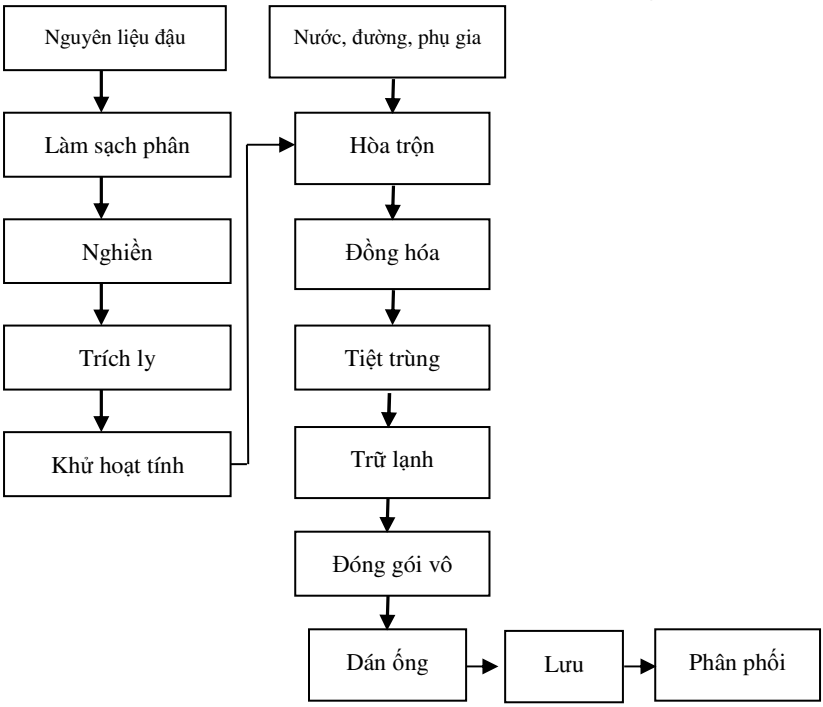

Hình 2.1: Sơ đồ qui trình sản xuất

2.1.3 Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty

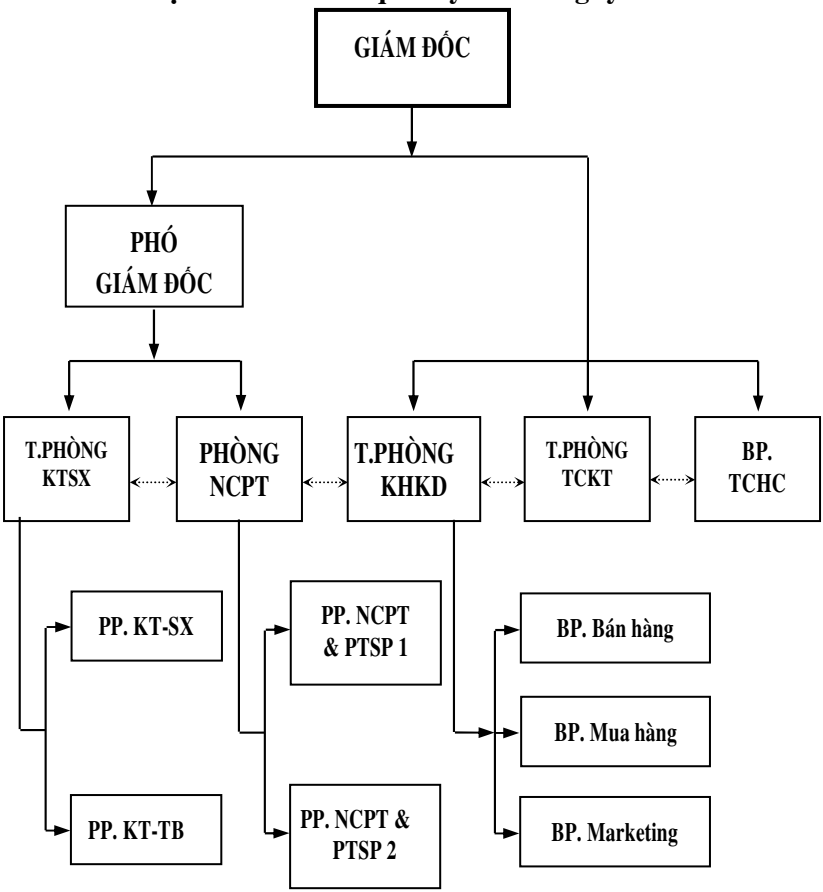

Hình 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

Mỗi bộ phận chức năng trong Công ty tuy thực hiện các nhiệm vụ khác nhau nhưng đều có mục đích chung là đảm bảo sao cho quá trình sản xuất và kinh doanh của Công ty mang lại hiệu quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí nhất.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

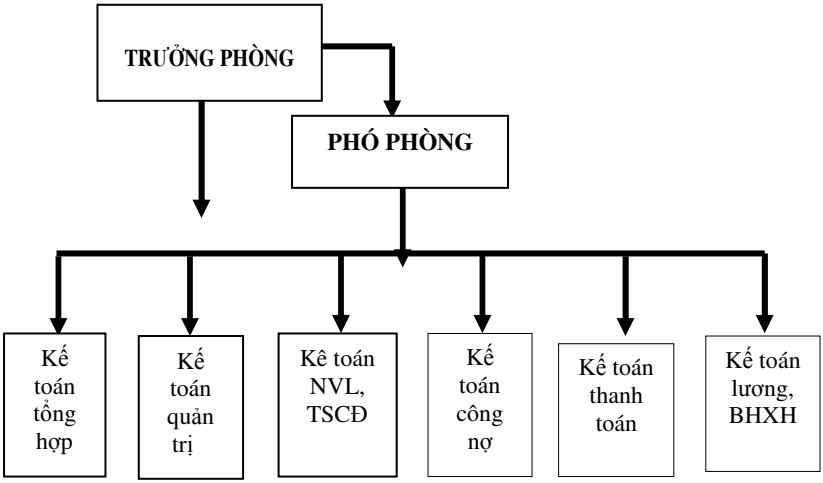

Hình 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng. Các bộ phận kế toán phối hợp với nhau thực hiện công tác kế toán toàn công ty.

2.2 THỰC TRẠNG ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY SỮA ĐẬU NÀNH VINASOY QUẢNG NGÃI

2.2.1 Các chính sách kế toán được vận dụng tại Công ty

a. Chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ được xác định dựa vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

b. Chính sách kế toán liên quan đến nợ phải thu

Các khoản phải thu của doanh nghiệp được ghi nhận theo giá trị của hóa đơn gốc. Các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi

trên hợp đồng kinh tế được coi là nợ phải thu khó đòi và Công ty chưa tiến hành lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

c. Chính sách kế toán liên quan đến TSCĐ tại Công ty

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao luỹ kế. Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

d. Chính sách kế toán liên quan đến chi phí tại Công ty

Đối với các khoản chi phí phải trả như phải trả lương cho nhân viên theo cam kết trong hợp đồng lao động thì ngày tính lương là từ ngày 1 đến ngày cuối tháng nhưng ngày trả lương là ngày 10 của tháng tiếp theo. Chi phí trả trước, bao gồm: chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất (đã trả trước cho người cho thuê), chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có thời hạn phân bổ lớn hơn 1 năm, chi phí trả trước ngắn hạn gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có thời gian 4 tháng.

e. Các chính sách liên quan đến ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính "Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp".

2.2.2 Đo lường và ghi nhận doanh thu, thu nhập

a. Đo lường doanh thu

❖ Đối với hình thức bán hàng trực tiếp

Đối với bán hàng trực tiếp trong nước: Khi xuất hàng đi bán, bộ phận bán hàng sẽ lập "Biên bản giao nhận". Sau khi khách hàng

xác nhận là đã nhận được hàng và ký vào biên bản giao nhận thì Công ty xuất hóa đơn bán hàng và ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Đối với bán hàng trực tiếp xuất khẩu: Quy trình bán hàng theo phương thức thanh toán bằng L/C. Do đó, khi hoàn thành đầy đủ bộ chứng từ theo quy định của ngân hàng, thì Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng và kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu.

❖ Đối với hình thức bán hàng đại lý

Định kỳ hàng tháng, các đại lý sẽ gởi "Báo cáo tình hình tiêu thụ sản phẩm" trong tháng. Kế toán sẽ căn cứ vào báo cáo này để xuất hóa đơn cho đại lý và tiến hành ghi nhận doanh thu trong kỳ.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu

Tất cả các khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại, hoa hồng được ghi nhận theo sự thỏa thuận với khách hàng trước khi viết hóa đơn bán hàng cho nên đúng theo quy định của Nhà nước ban hành và phản ánh đúng thực trạng của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà đơn vị thu được.

b. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện,… Việc đo lường doanh thu hoạt động tài chính tuân thủ theo đúng nguyên tắc ghi nhận doanh thu, có đủ điều kiện để ghi nhận là doanh thu tài chính, như: thông báo lãi của ngân hàng, tỷ giá liên ngân hàng được công bố,...

c. Thu nhập khác

Thu từ việc thanh lý máy móc, thiết bị, bán phế liệu, thu tiền công nợ đã xử lý,.... Khi phát sinh xác khoản thu nhập khác kế toán tiến hành ghi tăng một khoản thu nhập khác. Việc đo lường các khoản thu nhập khác tuân theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu.

2.2.3 Đo lường chi phí

a. Đo lường và ghi nhận giá vốn

Giá vốn trong Công ty chính là giá xuất kho của hàng hóa khi xuất bán. Hiện tại, đối với hàng xuất bán trực tiếp thì giá vốn chính là giá trị hàng xuất kho theo phương pháp FIFO (nhập trước – xuất trước). Đối với hàng gửi đi bán thì giá vốn chưa được ghi nhận, khi xác định được hàng hóa đã tiêu thụ thông qua báo cáo của đại lý thì khi đó mới tiến hành ghi nhận doanh thu và xác định giá vốn hàng bán.

- Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

- Xác định giá trị dở dang cuối kỳ

+ Đối với hoạt động sản xuất

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của công ty là tính liên tục. Do đó, trên dây chuyền hoạt động lúc nào cũng có đồng thời sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang. Giá trị SPDD được xác định dựa vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ Đối với hoạt động thương mại

Giá trị dở dang cuối kỳ được xác định dựa vào số lượng sản phẩm tồn kho chưa tiêu thụ, được xác định theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

b. Đo lường và ghi nhận chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng gồm chi phí tiền lương phải trả cho bộ phận bán hàng, chi phí vận chuyển hàng bán, chi phí khấu hao TSCĐ liên quan đến bộ phận bán hàng, các chi phí liên quan khác (hoa hồng bán hàng, vật liệu dùng trực tiếp cho bán hàng,…). Các khoản mục chi phí này Công ty ghi nhận là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Việc ghi nhận như vậy không tuân theo nguyên tắc phù hợp, vì những chi phí này liên quan trực tiếp đến số lượng sản phẩm bán ra. Cụ thể: đối với chi phí vận chuyển hàng bán, lương nhân viên vận

chuyển (trong trường hợp bán hàng qua đại lý) đây là khoản chi phí liên quan trực tiếp đến tiêu thụ sản phẩm nên cần phải được phân bổ theo số lượng hàng đã xác định tiêu thụ để chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã xác định.

Ngoài ra, chi phí bán hàng còn có các khoản chi phí tạo ra lợi ích trong tương lai nhưng không xác định được bao nhiêu nên công ty ghi nhận hết là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh trong kỳ, như: chi phí hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo,…Việc ghi nhận các khoản chi phí này tuân thủ đúng theo nguyên tắc thận trọng.

c. Đo lường và chi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên bên bộ phận QLDN cũng như cho cả nhân viên QLPX, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận văn phòng, chi phí vật tư cùng cho bộ phận văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài…. Việc ghi nhận chi phí nhân viên quản lý phân xưởng là chi phí quản lý doanh nghiệp là không tuân theo đúng nguyên tắc phù hợp, vì khoản chi phí này có liên quan trực tiếp đến việc tạo ra sản phẩm, nên phải được ghi nhận là khoản chi phí sản xuất chung để phân bổ và tính giá thành sản phẩm. Cũng giống như chi phí bán hàng, việc ghi nhận chi phí QLDN khi trả lương tháng này cho nhân viên vào ngày 10 của tháng tiếp theo (lương tháng 12,13) là không tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp. Các khoản chi phí QLDN còn lại đã được ghi nhận là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo đúng nguyên tắc thận trọng, vì lợi ích mang lại của các khoản chi phí này là không chắc chắn. Ngoài ra, trong kỳ công ty luôn phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi nhưng chưa tiến hành lập dự phòng các khoản nợ khó đòi này.

d. Đo lường và ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính của công ty bao gồm chi phí lãi vay, cổ tức được chia, lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, chiết khấu thanh toán nhanh. Khi đến hạn trả lãi vay thì Công ty ghi nhận là chi phí tài chính. Công ty chưa tiến hành trích trước và phân bổ chi phí lãi vay cho các khoản vay trả lãi sau và trả lãi định kỳ (kỳ trả lãi không trùng với kỳ kế toán). Ngoài ra Công ty cũng chưa tiến hành xác định các khoản lãi vay nào được vốn hóa (như vay mua nguyên vật liệu, vay trả nhà cung cấp,…) để ghi nhận là chi phí sản xuất trong kỳ và phân bổ để xác định giá thành sản phẩm.

e. Đo lường và ghi nhận chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ; bán phế liệu, khấu hao TSCĐ đã ngừng hoạt động, khen thưởng, phạt (nộp chậm thuế, bảo hiểm; vi phạm hành chính;…). Việc ghi nhận các khoản chi phí khác là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định lợi nhuận trong kỳ là hợp lý.

2.2.4 Xác định lợi nhuận tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi

Sau khi xác định được giá vốn và chi phí thời kỳ, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí.

2.2.5 Nhận diện khả năng điều chỉnh lợi nhuận của Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi

Trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 3 năm 2012, công ty cổ phần đường Quảng Ngãi có quyết định tăng vốn điều lệ từ 296 tỷ lên 621 tỷ trong năm 2013 thông qua việc phát hành cổ phiếu. Để thu hút vốn từ các nhà đầu tư thì các nhà quản tri cần phải tạo ấn tượng tốt đối với các nhà đầu thông qua tình hình

kinh doanh của công ty và quan trọng nhất là kết quả hoạt động kinh doanh của công ty có tăng trưởng hay không. Do đó, việc điều chỉnh tăng lợi nhuận là có thể xảy ra khi công ty muốn tăng vốn điều lệ.

Để tăng lợi nhuận, Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi đã tăng lợi nhuận từ các công ty con trong đó có Công ty sữa đậu nành Vinasoy Quảng Ngãi. Giả thuyết được đặt ra là trong năm 2013 Công ty cổ phần sữa đậu nành Vinasoy Quảng Ngãi có điều chỉnh tăng lợi nhuận để khi tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất sẽ làm tăng lợi nhuận của công ty mẹ.

Áp dụng mô hình DeAngelo (1994) và Friedlan (1986) để nhận diện khả năng điều chỉnh lợi nhuận tại Công ty. Dữ liệu dùng để phân tích là báo cáo tài chính qua 2 năm 2011-2012. Theo DeAngelo, cho rằng sự biến đổi về mức độ của biến kế toán dồn tích giữa hai kỳ chính là lợi nhuận được điều chỉnh. Như vậy, phần biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh là chênh lệch giữa biến kế toán dồn tích giữa năm 2012 và năm 2011:

$$\text{Biến kế toán dồn tích có điều chỉnh} = \text{Biến kế toán dồn tích (2012)} + \text{Biến kế toán dồn tích (2011)}$$

Từ đó, phần biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh) là biến kế toán dồn tích của năm trước

$$\text{Biến kế toán dồn tích không thể điều chỉnh (2012)} = \text{Biến kế toán dồn tích (2011)}$$

$$\text{Biến kế toán dồn tích có thể điều chỉnh} = \frac{\text{Biến kế toán dồn tích (2012)}}{\text{Doanh thu (2012)}} - \frac{\text{Biến kế toán dồn tích (2011)}}{\text{Doanh thu (2011)}}$$

Qua kết quả phân tích dựa theo 2 mô hình là DeAngelo và Friedlan, ta có thể kết luận là công ty đã có hành vi điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm 2012 (tăng hơn 36 tỷ đồng theo mô hình DeAngelo). Vậy giả thuyết đưa ra là công ty có điều chỉnh tăng lợi nhuận là hợp lý.

Mặc dù, doanh thu và chi phí nhìn chung là ghi nhận theo đúng nguyên tắc kế toán. Tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách kế toán và đo lường một số khoản mục chi phí còn chưa hợp lý, có thể được các nhà quản trị vận dụng để làm thay đổi kết quả lợi nhuận, như thời gian đăng ký trích khấu hao, chưa trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, chưa trích trước và phân bổ chi phí lãi vay, chưa trích trước và phân bổ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, ...

2.3 ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY SỮA ĐẬU NÀNH VINASOY QUẢNG NGÃI

2.3.1 Vận dụng các chính sách kế toán, ước tính kế toán trong đo lường lợi nhuận

a. Ưu điểm

Việc áp dụng hệ thống quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ là hợp lý.

Đối với phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp FIFO, phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

b. Nhược điểm

Phương pháp tính giá xuất kho FIFO là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.

Đối với công cụ dụng cụ xuất dùng Công ty chỉ có 2 mức phân bổ vào chi phí nhưng thời gian sử dụng các công cụ dụng cụ không giống nhau, nên mức phân bổ như vậy là chưa hợp lý.

2.3.2 Đo lường doanh thu

a. Ưu điểm

- Đối với doanh thu bán hàng, qua "Báo cáo tình hình tiêu thụ sản phẩm" thì doanh thu được xác định một cách chắc chắn, Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích cho khách hàng thông qua "Biên bản giao nhận".

- Đối với doanh thu hoạt động tài chính: Được xác định chắc chắn qua thông báo lãi của ngân hàng, tỷ giá được công bố trên thị trường liên ngân hàng,,...

b. Tồn tại

Ngoài những ưu điểm về công tác đo lường doanh thu nói trên thì, việc đo lường doanh thu còn có hạn chế trong việc ghi giảm doanh thu khi chiết khấu thương mại cho khách hàng, thể hiện qua việc giá trị doanh thu ghi giảm không tương ứng với doanh thu đã khi nhận.

2.3.3 Đo lường chi phí

a. Ưu điểm

- Giá vốn hàng bán: chỉ được ghi nhận khi hàng hóa được xác nhận đã tiêu thụ theo đúng nguyên tắc phù hợp.

- Giá trị dở dang cuối kỳ: Được xác định dựa vào chi phí nguyên vật liệu, đây là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng trong giá thành sản phẩm.

- Một số khoản mục chi phí của CPBH, CPQLDN được ghi nhận tuân thủ theo nguyên tắc thận trọng.

b. Tồn tại

Ngoài những ưu điểm nói trên thì công tác đo lường chi phí còn

một số tồn tại. Cụ thể:

- Công ty chưa xác định được khoản vay nào được vốn hóa để đưa vào chi phí sản xuất

- Công ty có trích trước chi sửa chữa lớn TSCĐ nhưng chưa tiến hành phân bổ cho các kỳ có liên quan.

- Việc xác định chi phí nhân viên quản lý phân xưởng là CPQLDN là không chính xác, vì khoản chi phí này có liên quan trực tiếp đến việc tạo ra sản phẩm nên phải được ghi nhận là khoản chi phí sản xuất chung để phân bổ và tính giá thành sản phẩm.

- Các khoản mục chi phí bán hàng như: chi phí lương nhân viên vận chuyển, chi phí vận chuyển hàng bán chưa được ghi nhận đúng theo nguyên tắc phù hợp.

- Công ty chưa tiến hành lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi theo nguyên tắc thận trọng.

- Chưa có trích trước và phân bổ các khoản chi phí lãi vay, nên việc ghi nhận đối với chi phí lãi vay không tuân thủ theo đúng nguyên tắc phù hợp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở nghiên cứu trình hình thực tế, chương này của luận văn đã giới thiệu khái quát đặc điểm hoạt động kinh doanh và mô hình tổ chức quản lý và bộ máy kế toán tại công ty. Đi sâu vào tìm hiểu các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty và công tác đo lường lợi nhuận thể hiện qua việc đo lường doanh thu và chi phí. Khi đi vào thực tế tại công ty thì có nhiều hạn chế mà công ty đã mắc phải khi đo lường lợi nhuận; chẳng hạn: còn nhiều khoản mục chi phí chưa được ghi nhận phù hợp với doanh thu, …, làm cho kết quả đo lường lợi nhuận bị sai lệch chưa phản ảnh hết trình hình hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 3
HOÀN THIỆN ĐO LƯỜNG LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY SỮA ĐẬU NÀNH VINASOY QUẢNG NGÃI

3.1 HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

3.1.1 Căn cứ để hoàn thiện chính sách kế toán

Các chính sách và các ước tính kê toán ngày càng trở thành những khoản mục quan trọng trên các BCTC của doanh nghiệp, ảnh hưởng trọng yếu đến tính trung thực, hợp lý, đáng tin cậy của thông tin tài chính. Công ty cần nhận thức rằng việc cố tình bỏ qua các ước tính kế toán hoặc lợi dụng các ước tính kế toán để "làm đẹp" BCTC là rất đáng lo ngại, có thể dẫn đến những rủi ro trong tương lai. Do vậy, thông qua việc ghi nhận một cách đầy đủ, trung thực các ước tính kế toán giúp các nhà quản lý và người có lợi ích kinh tế hiểu đúng tình trạng tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ có nhận thức được rõ những khó khăn mà doanh nghiệp đang phải đối mặt mới có thể đề ra các biện pháp để vượt qua những khó khăn đó.

3.1.2 Hoàn thiện các chính sách kế toán tại Công ty

- Nên thay đổi thời gian kiểm kê hàng tồn kho là hàng tuần thay vì hàng tháng để chủ động trong việc nhập nguyên liệu, quản lý hàng tồn kho tốt hơn và cung cấp thông tin cho nhà quản trị kịp thời hơn.

- Đối với công cụ dụng cụ xuất Công ty nên chia nhỏ thời gian phân bổ đối với công cụ dụng cụ thành những nhóm nhỏ có thời gian sử dụng tương đương nhau thì việc phân bổ chi phí sẽ hợp lý hơn

3.2 HOÀN THIỆN ĐO LƯỜNG DOANH THU

Hiện tại, công tác ghi nhận doanh thu của công ty luôn tuân thủ đúng theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, tuy nhiên còn một vài hạn

chế về việc xác định các khoản giảm trừ doanh thu. Công ty cần đưa ra những biện pháp để khắc phục các hạn chế đó.

3.3 HOÀN THIỆN ĐO LƯỜNG CHI PHÍ

3.3.1 Xác định các khoản chi phí phù hợp với doanh thu

a. Phân bổ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Đối với dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục thì việc sửa chữa, bảo trì thường xuyên xảy ra để đảm bảo dây chuyền được vận hành tốt. Do vậy, trong trường hợp phát sinh các chi phí này, công ty nên tiến hành phân bổ cho các kỳ kế toán để phù hợp với thu tạo ra mỗi kỳ. Kết quả việc xác định lại chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ cho các sản phẩm theo số lượng sản phẩm hoàn thành như sau:

b. Xác định và phân bổ chi phí nhân viên QLPX

Đối với chi phí nhân viên quản lý phân xưởng thì phải được ghi nhận là chi phí sản xuất chung trong kỳ và được tập hợp phân bổ để tính giá thành sản phẩm theo nguyên tắc phù hợp.

c. Phân bổ lại chi phí bán hàng

Đối với chi phí vận chuyển hàng bán, lương nhân viên vận chuyển (trong trường hợp bán hàng qua đại lý) thì công ty ghi nhận là là chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định lợi nhuận trong kỳ, nhưng đây là khoản chi phí liên quan trực tiếp đến tiêu thụ sản phẩm, do đó, cần phải được phân bổ theo số lượng hàng đã xác định tiêu thụ để chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã xác định.

3.3.2 Ghi nhận các chi phí theo nguyên tắc thận trọng

a. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó dòi

Được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC, hướng dẫn về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi,...

b. Trích trước và phân bổ chi phí lãi vay

Hiện nay, nhu cầu vay vốn của Công ty tương đối lớn, do đó, Công ty cần phải xác định rõ các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa. Chẳng hạn như vay dầu tư TSCĐ, vay để đầu tư kinh doanh, …. Do đó Công ty cần xác định khoản vay nào được vốn hóa để ghi nhận là chi phí sản xuất trong kỳ theo Chuẩn mực kế toán số 16 (VAS 16) – Chi phí đi vay.

3.3.3 Tập hợp các chi phí sau khi xác định lại theo nguyên tắc phù hợp và thận trọng

3.3.4 Xác định lại giá trị dở dang cuối kỳ

Ngoài phương pháp FIFO Công ty có thể áp dụng các phương pháp sau để xác định xác định lại giá trị dở dang cuối kỳ: Đánh giá sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành 50%; Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

3.3.5 Xác định lại giá thành sản phẩm

3.3.6 Xác định lại giá vốn hàng bán

3.3.7 Xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở thực trạng đo lường lợi nhuận của công ty. Ở chương này, tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện nhằm khắc phục những hạn chế trong việc đo lường lợi nhuận tại Công ty. Công tác tiêu thụ sản phẩm được chú trọng, các khoản mục chi phí trước đây được ghi nhận không phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ được xác định lại theo đúng nguyên tắc phù hợp như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí vay được vốn hóa,...Ngoài việc đi khắc phục những hạn chế mà công ty đã mắc phải, tác giả đã đưa ra thêm một vài ý kiến để công tác ghi nhận doanh thu được xác định chính xác hơn.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tế, luận văn đã trình bày được các vấn đề, cụ thể như sau:

Một, hệ thống hóa các cơ sở lý luận chung về đo lường doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong doanh sản xuất

Hai, đánh giá thực trạng về công tác đo lường doanh thu, chi phí, lợi nhuận tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi. Thông. Từ đó nêu ra được những ưu điểm và tồn tại trong công tác đo lường lợi nhuận tại Công ty.

Ba, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tế công tác đo lường lợi nhuận, luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện đo lường lợi nhuận tại Công ty sữa đậu nành VinaSoy Quảng Ngãi.